TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2020/PT-DS
Ngày 15 - 01- 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hồ Loan
Các Thẩm phán: Ông Ma Hồng Thắng
Ông Lê Tuấn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong - Thư ký TAND tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2019/TLPT-DS, ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 98/2019/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2019/QĐPT - DS ngày 26 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Vũ T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn 4 (thôn H2 cũ), xã L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị C, sinh năm 1966.

Trú tại: Thôn 13 (thôn 1 cũ), phường Đ (xã Đ cũ), thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Võ Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Vũ T trình bày: Do thời gian trước đó khoảng 01 tháng anh có cho con dâu bà Võ Thị C là chị Nguyễn Thị M vay tiền nên anh biết bà Võ Thị C. Vì vậy, ngày 10/8/2017 anh cho bà Võ Thị C vay số tiền gốc 50.000.000đ, bà C có viết và ký giấy vay tiền, trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng thực tế hai bên có thoả thuận là vay với lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả tiền vào ngày 10/12/2017. Khi

đến hạn trả tiền bà C không thực hiện việc trả tiền như đã thỏa thuận, sau đó anh T đã đòi nhiều lần nhưng bà C không trả. Vì vậy, anh T khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị C phải trả cho anh số tiền gốc là 50.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 10/8/2017 đến tháng 8/2018, theo mức lãi suất 1%/tháng, số tiền lãi là 4.000.000đ, tổng cộng số tiền phải trả là 54.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm anh T yêu cầu bà Võ Thị C trả cho anh số tiền gốc đã vay là 50.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày vi phạm hợp đồng là ngày 11/12/2017 đến ngày 11/10/2019 với mức lãi suất 1%/tháng là 22 tháng x 1% x 50.000.000đ = 11.000.000 đ. Tổng cộng là 61.000.000đ. Yêu cầu bà C phải hoàn trả lại cho anh số tiền chi phí giám định chữ viết anh đã nộp. Hiện nay anh đã giải quyết xong việc kiện đòi nợ chị Nguyễn Thị M (con dâu bà C) tại Toà án nhân dân thành phố Q bằng một vụ án khác, số tiền 50.00.000đ bà C vay của anh không liên quan đến khoản tiền hai vợ chồng chị M vay của anh như bà C trình bày.

Bị đơn bà Võ Thị C trình bày: Bà không quen biết anh Trần Vũ T và không vay tiền của anh T, chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền mà anh T nộp kèm theo đơn khởi kiện không phải chữ viết và chữ ký của bà. Đề nghị Tòa án yêu cầu anh T giám định chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền, nếu là chữ của bà thì bà sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và sẽ đến Tòa án làm việc.

Bà yêu cầu anh T đến nhà bà làm việc chứ bà không đến Tòa án làm việc, bà đề nghị Tòa án không hòa giải, đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, bà xin xét xử vắng mặt tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố Q xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; không hòa giải được và đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 98/2019/DS-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q quyết định:

1. Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; 147, 161, 162, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Điều 357,429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Vũ T.

- Buộc bà Võ Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho anh Trần Vũ T số tiền gốc 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* và tiền lãi 11.000.000đ *(Mười một triệu đồng)*. Tổng cộng là 61.000.000đ *(Sáu mươi mốt triệu đồng).*

3. Về chi phí giám định: Buộc bà Võ Thị C phải chịu chi phí giám định là 3.660.000đồng *(Ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng)* và hoàn trả lại số tiền này cho anh Trần Vũ T.

4. Về án phí: Buộc bà Võ Thị C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 3.050.000đ (*Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Trần Vũ T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.350.000đ (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000304 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/11/2019 Tòa án nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị C, đơn ghi ngày 08/11/2019, đơn kháng cáo có nội dung: Kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2019/DS-ST, ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Nội dung của bản sơ thẩm, là không đúng sự thật, bà không vay số tiền 50.000.000đ của anh Trần Vũ T. Những chứng cứ mà anh T cung cấp cho Tòa án đều là những chứng cứ giả mạo, tự tạo bà không biết, bà cũng không ký tên vào "Giấy vay tiền" ghi ngày 10/8/2017. Tòa án nhân dân thành phố Q đã đưa ra phán quyết thiếu công bằng, khách quan, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn người kháng cáo bà Võ Thị C trình bày: Bà không nhất trí kết quả giám định, nhưng bà không có căn cứ chứng minh kết quả giám định không đúng, bà không đề nghị giám định lại. Bà không vay tiền của anh T nên không có nghĩa vụ trả.

Nguyên đơn anh Trần Vũ T trình bày: Do bà C hiện nay có khó khăn phải đi thuê nhà ở nên anh chỉ yêu cầu bà C phải trả số tiền gốc 50.000.000đ và trả lại cho anh toàn bộ số tiền chi phí giám định 3.660.000đ, anh không yêu cầu bà C phải trả số tiền lãi 11.000.000đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bà Võ Thị C hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Tại Tòa án cấp phúc thẩm anh Trần Vũ T yêu cầu bà Võ Thị C phải trả cho anh số tiền gốc 50.000.000đ và số tiền chi phí giám định 3.660.000đ, anh không yêu cầu bà C phải trả số tiền lãi 11.000.000đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị C, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 98/2019/DS-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q, buộc bà C phải trả cho anh T số tiền gốc 50.000.000đ, số tiền chi phí giám định 3.660.000đ;

sửa án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với bà C. Bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị C: Bà không vay số tiền 50.000.000đ của anh Trần Vũ T, những chứng cứ anh T cung cấp cho Tòa án đều là những chứng cứ giả mạo, tự tạo bà không biết, bà không ký tên vào "Giấy vay tiền" ghi ngày 10/8/2017. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của Bản án dân sự sơ thẩm.

Xét thấy: Năm 2018 anh Trần Vũ T đã khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị C phải trả cho anh số tiền gốc 50.000.000đ và tiền lãi là 4.000.000đ, tổng cộng là 54.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 10/8/2017. Theo anh T sau khi anh khởi kiện do bà C đã khất nợ và hẹn sẽ trả tiền cho anh trong tháng 11/2018 vì vậy, anh đã rút đơn khởi kiện, Toà án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Nhưng sau đó bà C đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

Tháng 4 năm 2019 anh Trần Vũ T tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị C phải trả cho anh số tiền gốc 50.000.000đ và tiền lãi (chậm trả) tính từ ngày đến hạn trả nhưng bà C không thực hiện việc trả nợ, ngày 11/12/2017 đến ngày 11/10/2019 với mức lãi suất 1%/tháng (22 tháng x 1% x 50.000.000đ) = 11.000.000đ tiền lãi. Tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của anh T là Giấy vay tiền ngày 10/8/2017 có nội dung "…Tôi là Võ Thị C.. có vay của ông Trần Vũ T …số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)..Tôi hẹn đến ngày 10/12/2017 tôi sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền trên…ký tên Võ Thị C".

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm bà C được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, nhưng bà C không thực hiện đúng nghĩa vụ, bà không đến Tòa án làm việc do đó, Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải được. Bà C xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án.

Bà C cho rằng bà không ký tên vào "Giấy vay tiền" ghi ngày 10/8/2017. Tòa án cấp sơ thẩm đã Quyết định trưng cầu giám định theo đề nghị của nguyên đơn anh Trần Vũ T. Tại Kết luận giám định số 624/GĐ-KTHS ngày 11/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Chữ ký, chữ viết ghi tên Võ Thị C dưới mục "Người vay tiền" trong "GIẤY VAY TIỀN" ghi ngày 10/8/2017 (ký hiệu M3) với chữ ký, chữ viết ghi tên Võ Thị C dưới mục "NGƯỜI NHẬN" trong "BIÊN BẢN TỐNG ĐẠT VĂN BẢN TỐ TỤNG" ghi ngày 02/7/2019 (ký hiệu M1) dưới mục "NGƯỜI KHAI" trong "BIÊN BẢN LẤY LỜI KHAI" ghi ngày 02/7/2019 (ký hiệu M2) là do một người viết và ký.

Bà C không nhất trí với kết luận giám định, vì cho rằng bà không ký giấy vay nợ anh Trần Vũ T, nhưng bà C không yêu cầu Tòa án giám định lại, bà cũng không có căn cứ chứng minh kết quả giám định không đúng.

Căn cứ "Giấy vay tiền" ghi ngày 10/8/2017 đủ cơ sở kết luận bà C vay anh T số tiền gốc 50.000.000đ, đến hạn trả ngày 10/12/2017 bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ do đó, khi anh T có yêu cầu bà C trả nợ, bà C còn phải trả khoản tiền lãi với mức lãi xuất quy định tại Điều 468 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử buộc bà C phải trả cho anh Trần Vũ T số tiền gốc 50.000.000đ và tiền lãi chậm trả (tính từ ngày 11/12/2017 đến ngày 11/10/2019 với mức lãi suất 1%/tháng) số tiền 11.000.000đ là đúng quy định của pháp luật.

Bà C không thừa nhận chữ viết chữ ký của bà tại "Giấy vay tiền" ghi ngày 10/8/2017, nhưng kết quả giám định xác định chữ viết chữ ký tại "Giấy vay tiền" ghi ngày 10/8/2017 là của bà C do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà C phải chịu toàn bộ chi phí giám định 3.660.000đ và hoàn trả lại số tiền này cho anh Trần Vũ T là có căn cứ.

Tuy nhiên tại Tòa án cấp phúc thẩm anh T chỉ yêu cầu bà C phải trả số tiền gốc 50.000.000đ, không yêu cầu bà C phải trả số tiền lãi 11.000.000đ là có lợi cho bà C. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của bà C, sửa bản án dân sự sơ thẩm buộc bà C có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền nợ gốc 50.000.000đ và phải chịu toàn bộ chi phí giám định 3.660.000đ để hoàn trả lại số tiền này cho anh Trần Vũ T.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Sửa án phí dân sự có giá ngạch, buộc bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền nợ gốc 50.000.000đ bà C phải trả cho anh T, án phí được tính: 50.000.000đ x 5% = 2.500.000đ án phí.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà C được chấp nhận một phần nên bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì *các lẽ trên;*

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 357,429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị C.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 98/2019/DS-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q như sau:

- Buộc bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho anh Trần Vũ T số tiền nợ gốc 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng).*

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án anh Trần Vũ T cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án bà Võ Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Võ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

3. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

Buộc bà Võ Thị C phải chịu chi phí giám định là 3.660.000đ *(Ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng),* hoàn trả lại số tiền này cho anh Trần Vũ T.

Anh Trần Vũ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.350.000đ (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000304 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001002, ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Nhưng tạm giữ lại đảm bảo thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 15/01/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tp Q;
- THADS tp Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VPTA (HCTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Hồ Loan